

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/KDTM-ST

Ngày 09-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng lắp đặt thiết bị

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước

Bà Nguyễn Bạch Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 26/2023/TLST-KDTM ngày 23 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng lắp đặt thiết bị theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 321/2024/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH K.

Địa chỉ: Số G Đường số I, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hoàng L, chức vụ: Giám Đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1974 (có mặt). Địa chỉ: Số C đường T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 08/11/2023)

- Bị đơn: Công ty TNHH S.

Địa chỉ: Số D đường M, Phường I (nay là Phường A), thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N1, chức vụ: Giám Đốc (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Hoàng V (vắng mặt). Địa chỉ: B Tổ F, KV1, phường B, thành phố Cần Thơ.

+ Ông Lê Quốc L1, sinh năm: 1985 (vắng mặt). Địa chỉ: Khóm M, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 11 năm 2023 của nguyên đơn Công ty TNHH K, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn N trình bày:

Công ty TNHH K (Sau đây gọi tắt là Công ty K) là đơn vị chuyên lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; lắp đặt hệ thống điện công nghiệp; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông và máy móc thiết bị phụ tùng máy khác. Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty S) chuyên về ngành sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; sản xuất hàng dệt sẵn. Nhà máy và văn phòng công ty tại số D đường M, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Công ty S và Công ty K từng có quan hệ mua bán, lắp đặt hệ thống điện nhà máy của Công ty S nên đã quen biết nhau từ lâu. Đầu tháng 8 năm 2022 Công ty S do kỹ thuật trưởng là ông Lê Quốc L1 liên hệ Công ty K đề nghị Công ty K báo giá đơn hàng về lắp đặt hệ thống máy cải tạo máy vải không dệt. Ngày 09 tháng 8 năm 2022 Công ty K đã gửi bảng báo giá cho Công ty S gồm thiết bị và phí lắp trình và được công ty M chấp nhận bảng báo giá theo đó tổng giá trị đơn hàng là 220.000.000 đồng đã bao gồm thuế GTGT. Địa điểm giao hàng tại kho của bên mua; phương thức thanh toán là thanh toán 100 % trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn tất việc giao hàng và lắp đặt máy móc thiết bị.

Cùng ngày 09 tháng 8 năm 2022 Công ty K đã giao hàng và tiến hành lắp đặt hệ thống thiết bị tại nhà máy của Công ty S tại số C Quốc Lộ A ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng từ ngày 09/8/2022 đến ngày 31/8/2022 thì hoàn thành và được Kỹ thuật trưởng là ông Lê Quốc L1 ký chấp nhận phiếu ghi nhận công tác của cán bộ kỹ thuật của Công ty K ngày 31/8/2022.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 hai bên đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu hệ thống điều khiển máy vải không dệt cho Công ty S đưa vào sử dụng. Kết quả lắp đặt hai bên ghi nhận: Công ty K đã cung cấp thiết bị điện đúng chất lượng theo cầu của Công ty S và hệ thống điều khiển của máy hoạt động ổn định; các thông số kỹ thuật đạt yêu cầu; Công ty S đồng ý nhận bàn giao và nghiệm thu phần cải tạo hệ thống điều khiển và các thiết bị điện theo bảng kê chi tiết được hai bên ký chấp nhận.

Ngày 23/10/2023 Công ty K phát hành hóa đơn giá trị gia tăng số 00380 số tiền đơn hàng là 220.000.000 đồng gửi cho Công ty S nội dung: Lắp đặt cải tạo máy vải không dệt theo đơn hàng số Q09082022/MT ngày 07/9/2022 và biên bản nghiệm thu ngày 07/9/2022. Từ ngày nghiệm thu ngày

07/9/2022 đến nay Công ty K đã nhiều lần làm thông báo yêu cầu Công ty S thanh toán công nợ nhưng Công ty S chỉ nhắn tin điện thoại hứa hẹn thanh toán nhiều lần nhưng đều không thực hiện thanh toán tiền nợ.

Các ngày 21/11/2022, 06/01/2023, 10/3/2023, 11/8/2023 và 24/10/2023 Công ty K đã gửi Biên bản đối chiếu công nợ và các thông báo yêu cầu thanh toán công nợ nhưng Công ty S có nhận các thư này nhưng đều không trả lời hay phản hồi thông tin cho Công ty K, ngoại trừ các tin nhắn điện thoại ông Nguyễn Văn N1 nhắn tin hẹn lịch thanh toán nợ với Kế toán trưởng của Công ty K nên Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Nay Công ty TNHH K yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc C phải thanh toán cho Công ty TNHH K tiền mua hàng lắp đặt hệ thống thiết bị vải không dệt là 220.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm tạm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 07/10/2022 đến ngày khởi kiện 07/10/2023 là 22.000.000 đồng. Tổng cộng 242.000.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu tính tiền lãi với lãi suất là 9%/năm. Cụ thể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 07/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/9/2024 là 01 năm 11 tháng 02 ngày x 220.000.000 đồng x 9%/năm = 38.060.000 đồng. Tổng cộng 258.060.000 đồng.

- Tại phiên hòa giải ngày 11/12/2023, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH S, ông Nguyễn Văn N1 trình bày:

Giữa Công ty TNHH S và Công ty TNHH K không có ký hợp đồng lắp đặt thiết bị gì cả, mà giữa Công ty TNHH S với nhóm Thi Công (MR Lĩnh + MR Việt) gồm ông Nguyễn Hoàng V. Địa chỉ: số B Tổ F, KV A, phường B, Thành phố Cần Thơ và anh Lê Quốc L1, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Khóm M, phường C, thị xã N, Sóc Trăng có ký hợp đồng thuê khoán lắp đặt máy vải không dệt 2S số 29/HĐKT/2023 ngày 30/5/2022 hợp đồng giá trị 800.000.000 đồng, thanh toán đợt một 75% giá trị hợp đồng vào ngày ký hợp đồng, thanh toán đợt hai sau 90 ngày kể từ ngày 30/5/2022 tức là ngày 30/8/2022 với điều kiện là máy móc thiết bị phải được nghiệm thu và đưa vào hoạt động bình thường. Tuy nhiên, bên ông L1 và ông V không tiến hành nghiệm thu máy móc thiết bị cho bị đơn. Còn việc sau khi ký hợp đồng với bị đơn, ông L1 và ông V có ký hợp đồng giao khoán cho bên Công ty K hay không thì ông không biết. Nay ông yêu cầu ông L1 và ông V phối hợp với đơn vị thi công nghiệm thu máy móc thiết bị cho ông nếu vận hành được ông đồng ý trả 25% giá trị hợp đồng còn lại cho ông L1 và ông V. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng V từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quốc L1 từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:*

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về phần tính lãi suất chậm trả, nguyên đơn yêu cầu tính mức lãi suất 09%/năm là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba ngân hàng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Công ty TNHH K khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH S trả tiền lắp đặt thiết bị, bị đơn Công ty TNHH S có trụ sở: số D đường M, Phường I (nay là Phường A), thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

[1.2] Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Văn N1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng V, ông Lê Quốc L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.3] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu tính tiền lãi với lãi suất là 9%/năm. Cụ thể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 07/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/9/2024 là 01 năm 11 tháng 02 ngày x 220.000.000 đồng x 9%/năm = 38.060.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi

kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Ngày 09 tháng 8 năm 2022 Công ty K gửi bảng báo giá cho Công ty S gồm thiết bị và phí lắp trình cải tạo máy không dệt, đơn giá 220.000.000 đồng, Công ty S đã ký xác nhận đơn hàng. Địa điểm giao hàng tại kho của bên mua; phương thức thanh toán là thanh toán 100 % trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn tất việc giao hàng và lắp đặt máy móc thiết bị. Thực hiện theo nội dung báo giá ngày 09 tháng 8 năm 2022 Công ty K đã giao hàng và tiến hành lắp đặt hệ thống thiết bị tại nhà máy của Công ty S tại số C Quốc Lộ A ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng từ ngày 09/8/2022 đến ngày 31/8/2022 thì hoàn thành và được ông Lê Quốc L1 ký chấp nhận phiếu ghi nhận công tác của cán bộ kỹ thuật của Công ty K ngày 31/8/2022; Ngày 07/9/2022 hai bên ký biên bản bàn giao và nghiệm thu, chi tiết vật tư bao gồm: 01/ Bộ phận màn hình cảm ứng HMi-MT 2166 XWK (01 cái); 02/ Bộ Đ (01 cái); 03/ Mô đun 6ES7223 – 1 PL32-OXBO (02 cái); 04/ Mô đun vào ra kỹ thuật số 1231 (01 cái); 05/ Mô đun 6ES7241- 1CH32-OXBO (01 cái); 06/ Mô đun vào ra kỹ thuật số SM1232 (01 cái); 07/ Lập trình PLC. Kết quả: Bên Công ty K đã thực hiện cung cấp thiết bị điện đúng chất lượng theo yêu cầu của bên Công ty S, hệ thống điều khiển của máy hoạt động ổn định, các thông số kỹ thuật đạt yêu cầu. Bên Công ty S đồng ý nhận bàn giao và nghiệm thu phần cải tạo hệ thống điều khiển và các thiết bị điện theo bảng kê chi tiết nêu trên do bên Công ty K thực hiện...

[3] Đồng thời, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2024 của Tòa án tiến hành thẩm định tại nhà máy của Công ty S tại số C đường Q, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng đối với các thiết bị, máy móc do Công ty K lắp đặt, kết quả ghi nhận tại nhà máy của Công ty S, có hệ thống máy không dệt có các thiết bị do Công ty K lắp đặt gồm: 01/ Bộ phận màn hình cảm ứng HMi-MT 2166 XWK (01 cái); 02/ Bộ Đ (01 cái); 03/ Mô đun 6ES7223 – 1 PL32-OXBO (02 cái); 04/ Mô đun vào ra kỹ thuật số 1231 (01 cái); 05/ Mô đun 6ES7241- 1CH32-OXBO (01 cái); 06/ Mô đun vào ra kỹ thuật số SM1232 (01 cái).

[4] Bị đơn Công ty S không thừa nhận có ký hợp đồng lắp đặt thiết bị với Công ty K nhưng theo chứng cứ do Công ty K cung cấp là bảng báo giá ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Công ty K phía dưới xác nhận đơn hàng có chữ ký Giám đốc Nguyễn Văn N1 và đóng dấu của Công ty S. Ngoài ra, tại biên bản nghiệm thu các thiết bị Công ty K lắp đặt tại Công ty S phù hợp với các thiết bị trong bảng báo giá ngày 09/8/2022 và các thiết bị, máy móc tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2024 của Tòa án. Ông N1 cho rằng có ký kết hợp đồng lắp đặt với ông Lê Quốc L1, ông Nguyễn Hoàng V. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã đưa ông L1, ông V vào tham gia tố tụng nhưng ông L1, ông V không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bị đơn Công ty S cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh không có ký kết hợp đồng với Công ty K và không chứng

minh được tại sao các máy móc thiết bị của Công ty K lại lắp đặt tại Công ty S theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án. Tại đoạn tin nhắn zalo giữa bà V1 là kế toán Công ty K và ông N1 kèm theo vi bằng số 159/2024/VB-TPLTĐ lập ngày 01/7/2024 thể hiện, “ngày 19/01/2023 Ngân trả trước dùm Kỹ Thuật Việt 100 triệu nhe” ông N1 phản hồi “Thông cảm cuối năm Ngân hàng giải ngân không kịp, gán đầu năm vừa qua tết em thanh toán nhe. Nói sếp lâm thông cảm giúp em” và ngày 03/4/2023 bà V1 tiếp tục nhắn tin đòi nợ, ông N1 phản hồi “để em sắp sếp em thanh toán cho bên chị”. Như vậy, có cơ sở xác định ông N1 còn nợ tiền mua lắp đặt thiết bị của Công ty K. Xét thấy, Công ty S là đơn vị thụ hưởng các máy móc thiết bị do Công ty K lắp đặt, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty K. Do đó, Công ty K việc yêu cầu Công ty S có nghĩa vụ thanh toán số tiền 220.000.000 đồng theo bảng báo giá ngày 09/8/2022 là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, nguyên đơn yêu cầu tính lãi mức lãi suất 9%/năm. Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005 và hướng dẫn tại Điều 11 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm “*Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần N2, Ngân hàng thương mại cổ phần C1, Ngân hàng N3,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Căn cứ vào thông báo mức lãi suất nợ quá hạn tại 03 Ngân hàng là Ngân hàng N3 chi nhánh thành phố S; Ngân hàng thương mại cổ phần N2; Ngân hàng thương mại cổ phần C1 thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình là 16%/năm. Do đó, yêu cầu của Công ty K tính lãi suất 09%/năm là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng nêu trên nên có cơ sở chấp nhận. Về thời gian bắt đầu tính nghĩa vụ chậm trả, theo thỏa thuận tại bảng báo giá ngày 09/8/2022 thỏa thuận thời gian thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày lắp đặt xong hệ thống máy và nghiệm thu. Ngày 07/9/2022 là ngày hai bên nghiệm thu thì ngày 07/10/2022 là hạn chót 30 ngày bị đơn phải thanh toán. Nên thời gian tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ được tính từ ngày 07/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 09/9/2024 là 01 năm 11 tháng 02 ngày x 220.000.000 đồng x 9%/năm = 38.060.000 đồng. Do đó, yêu cầu tính lãi của Công ty K là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là 220.000.000 đồng + tiền lãi 38.060.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi là 258.060.000 đồng.

[7] Đối với lời trình bày của bị đơn cho rằng có ký hợp đồng thuê khoán lắp đặt máy vải không dệt 2S số 29/HĐTK/2023 ngày 30/5/2022 giữa bên A: Công ty S và bên B: ông Lê Quốc L1 và ông Nguyễn Hoàng V. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại Điều 1 nội dung hợp đồng và Điều 4 Trách nhiệm của bên A chỉ có nội dung ông L1, ông V là người lắp đặt hệ thống máy vải không dệt cho Công ty S và toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị do Công ty S cung cấp thiết bị, vật tư cho ông L1 và ông V lắp đặt. Ông L1, ông V hoàn toàn không cung cấp vật tư thiết bị máy móc nào cho máy vải không dệt 2S của Công ty S.

[8] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị Kiểm sát viên về nội dung là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí đối với phần có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[10] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền: 1.190.000 đồng bị đơn Công ty S phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, Điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, Điều 147, Điều 157, Khoản 1 Điều 244, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 24; Điều 306 Luật thương mại 2005; Điều 11 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH K.

Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn S có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH K số tiền 220.000.000 đồng và tiền lãi 38.060.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi là 258.060.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành

án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 306 Luật Thương mại tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1. Nguyên đơn Công ty TNHH K không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty TNHH K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.050.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001210 ngày 08/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

3.2. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn S phải chịu án phí số tiền 12.903.000 đồng.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền: 1.190.000 đồng bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn S phải chịu. Số tiền này Công ty TNHH K đã tạm ứng trước và chi hết nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn S có trách nhiệm thanh toán lại cho Công ty TNHH Kỹ Thuật Việt

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bích Tuyền